2027

学校	
名前	

神奈川県
教育委員会
KANAGAWA

２０２７年度入学希望者用

Dành cho học sinh muốn nhập học niên khóa 2027

神奈川県に住む日本語を母語としない方へのご案内

Hướng dẫn dành cho các bạn sống trong tỉnh KANAGAWA mà không dùng tiếng Nhật là tiếng mẹ đẻ.

神奈川県の「公立高校入学のためのガイドブック」

日本語＋ベトナム語翻訳版 ⇕ Tiếng Nhật＋Tiếng Việt

「 TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN NHẬP HỌC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP - CẤP 3 」Tỉnh KANAGAWA

神奈川県の公立高校入学者選抜の多言語情報 https://hsguide.me-net.or.jp ☞

Thông tin về tuyển sinh nhập học vào các trường trung học phổ thông cấp 3 bằng các ngôn ngữ khác

高校進学ガイダンスの申込み https://hsguide.me-net.or.jp/reservations ☞

Đăng ký buổi hướng dẫn về việc thi lên trường cấp 3.

作成：神奈川県教育委員会・認定ＮＰＯ法人多文化共生教育ネットワークかながわ（ME-net）

Biên soạn: Sở Giáo Dục Tỉnh Kanagawa và Mạng Lưới Giáo Dục Cộng Sinh Đa Văn Hóa Tỉnh Kanagawa của tập đoàn NPO(ME-net)

目　次

1　高校受検の流れ …… 1
2　志願資格（高校受検できる人） …… 2
（１）一般募集の志願資格
（２）特別募集の志願資格
3　公立高校の入学者選抜の概要 …… 3
4　出願について …… 4
（１）出願手続と検査日程
（２）出願の流れ
（３）面接シートについて
5　外国において学校教育における９年の課程を修了した人の手続 …… 7
6　在県外国人等特別募集と海外帰国生徒特別募集の実施校 …… 8
7　入学者選抜の検査について …… 10
（１）一般募集の検査内容
（２）特別募集の検査内容
（３）選考方法（合格者の決め方）
8　定通分割選抜について【夜間の定時制と通信制で実施】 …… 12
（１）出願手続と検査日程
（２）検査内容
（３）選考方法（合格者の決め方）
9　一般募集（「共通選抜」および「定通分割選抜」）での特別な受検方法について …… 13
10　公立高校の受検料・入学料の減免制度について …… 14
11　学費について …… 14
12　高等学校等就学支援金について …… 15
13　私立高等学校等の学費支援制度等について …… 16

このガイドブックについての問合せ先

神奈川県教育委員会　高校教育課入学者選抜・定員グループ
【TEL】(045)210-8084
【URL】 https://www.pref.kanagawa.jp/docs/dc4/nyusen/nyusen/kanagawa.html

認定NPO法人多文化共生教育ネットワークかながわ（ME-net）事務局
【TEL】(045)896-0015（月・水・金　10:00～17:00）
【E-mail】 info@me-net.or.jp
【URL】 https://me-net.or.jp/

このガイドブックの翻訳版は、上の２つのホームページからダウンロードできます。

MỤC LỤC

Trang

1 **Quá trình dự thi trường koko** ····· 1

2 **Tư cách của ứng viên (những người có thể dự thi koko)** ····· 2
(1) Điều kiện dự thi Tuyển Sinh Thông Thường
(2) Điều kiện dự thi Tuyển Sinh Đặc Biệt

3 **Tổng quan về tuyển chọn học sinh trường cấp 3 công lập** ····· 3

4 **Về việc nộp đơn đăng ký dự thi** ····· 4
(1) Thủ tục nộp đơn và lịch trinh dự thi các bài kiểm tra
(2) Quá trình nộp đơn đăng ký dự thi
(3) Bản văn dự thi vấn đáp (面接(めんせつ)シート)

5 **Thủ tục dành cho thí sinh đã hoàn tất chương trình giáo dục 9 năm ở hải ngoại** ····· 7

6 **Các trường có quy chế tuyển sinh đặc biệt dành cho thí sinh người ngoại quốc sống trong tỉnh và con em gia đình hồi hương** ····· 8

7 **Về kỳ thi tuyển sinh** ····· 10
(1) Nội dung thi trong việc tuyển sinh thông thường
(2) Nội dung thi trong việc tuyển sinh đặc biệt
(3) Phương pháp lựa chọn (cách quyết định ứng viên thi đỗ)

8 **Thi tuyển phân bố cho các trường Koko vừa học vừa làm - Koko hàm thụ (定通分割選抜(ていつうぶんかつせんばつ))**
【thực hiện tại các trường定時制(ていじせい)ban đêm và trường 通信制(つうしんせい) Hàm Thụ】 ····· 12
(1) Thủ tục nộp đơn đăng ký dự thi và lịch trình ngày thi
(2) Nội dung thi
(3) Phương pháp duyệt xét tuyển sinh (Quyết định người trúng tuyển)

9 **Về phương pháp xét tuyển đặc cách trong xét tuyển sinh thường ("xét tuyển chung" và "xét tuyển chia")** ····· 13

１０ **Quy chế miễn giảm lệ phí dự thi và lệ phí nhập học ở Koko công lập** ····· 14

１１ **Học phí** ····· 14

１２ **Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đường - Koko** ····· 15

１３ **Quy chế trợ cấp học phí v.v.. dành cho học sinh trường Koko tư thục v.v..** ····· 16

Nơi giải đáp những thắc mắc về Tập Hướng Dẫn này:

神奈川県教育委員会(かながわけんきょういくいいんかい) 高校教育課(こうこうきょういくか)入学者選抜(にゅうがくしゃせんばつ)・定員(ていいん)グループ
【TEL】045-210-8084
【URL】https://www.pref.kanagawa.jp/docs/dc4/nyusen/nyusen/kanagawa.html

認定(にんてい)NPO法人(ほうじん)多文化共生教育(たぶんかきょうせいきょういく)ネットワークかながわ（ME-net）事務局(じむきょく)
【TEL】045-896-0015 (thứ Hai,thứ Tư,thứ Sáu 10:00～17:00)
【E-mail】info@me-net.or.jp
【URL】https://me-net.or.jp /

Bạn có thể tải bản dịch của tài liệu hướng dẫn từ 2 trang web trên.

1　高校受検の流れ

各高校が実施する学校説明会等や「日本語を母語としない人たちのための高校進学ガイダンス」に積極的に参加しましょう！

日本の中学校を卒業または卒業予定の人

外国において学校教育における９年の課程を修了した人

2026年 ９月～10月

「日本語を母語としない人たちのための高校進学ガイダンス」

- 2027年４月に公立高校に入学をしたい人は、参加してください。
- 在県外国人等特別募集を実施する高校の説明が受けられます。
- 神奈川県教育委員会に相談もできます。　（☞裏表紙）

※　神奈川県の公立高校入学者選抜の多言語情報をME-net（ミーネット）のホームページで提供します。https://hsguide.me-net.or.jp

2026年10月下旬

公立高校の募集定員が県教育委員会のホームページや新聞等で発表されます。

2026年 11月～

中学校で面談等が行われ、高校受検の確認をします。
一般募集での「**特別な受検方法**」は、中学校を通して申請します。
（☞ **P.13**）

11月28日（土）の県教育委員会主催の「志願資格承認申請受付・相談会（仮称）」に参加してください。（☞ **P.7**）
一般募集での「**特別な受検方法**」の説明も行います。（☞ **P.13**）

2027年１月～ 共通選抜（二次募集を除く。）および特別募集（※１）日程等　☞ P.3

- 在県外国人等特別募集等を受検する場合は、事前に、特別募集における志願資格確認を志願する高校で行います。
- **インターネット出願システムから志願する高校（１校）へ出願します。**
- 志願変更を１回だけすることができます。
- 学力検査、特色検査、面接等を受けます。
- 合格者の発表があります。

共通選抜、特別募集および私立高校等に合格した人は、定通分割選抜と二次募集（※２）には志願できません。

2027年３月～ 定通分割選抜 日程等　☞ P.3

- **志願する高校（１校）に紙による入学願書を提出します。**
- 志願変更を１回だけすることができます。
- 学力検査、面接等の検査を受けます。
- 合格者の発表があります。

（※１）　特別募集：「在県外国人等特別募集」（20校で募集）、「海外帰国生徒特別募集」（８校で募集）　志願資格 ☞ **P.2**

（※２）　二次募集は、全日制、定時制（夜間以外）の高校で、共通選抜で定員に満たなかった高校で必要に応じて３月上旬に実施します。定通分割選抜とは別の日程で行い、両方志願できます。

1 Quá trình dự thi trường koko

Hãy tích cực tham gia các buổi thuyết trình thông tin nhà trường do các trường koko tổ chức và "Buổi hướng dẫn tuyển sinh koko cho những người tiếng Nhật không phải là tiếng mẹ đẻ".

Học sinh đã tốt nghiệp hoặc sẽ tốt nghiệp một trường Trung học cơ sở ở Nhật Bản.

Học sinh đã hoàn tất chương trình giáo dục 9 năm ở hải ngoại.

Tháng 9 ～ tháng 10 năm 2026

Buổi「**Hướng dẫn thi vào Koko dành cho các bạn không dùng tiếng Nhật như là tiếng mẹ đẻ**」

・Nếu bạn muốn vào học trường cấp 3 công lập vào tháng 4 năm 2027, thì nhất định phải tham gia.
・Bạn có thể nhận được sự hướng dẫn về các trường cấp 3 thực hiện tuyển dụng đặc biệt dành cho người nước ngoài sống trong tỉnh.
・Ngoài ra bạn cũng có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng giáo dục tỉnh Kanagawa. (☞ mặt sau)

※ Thông tin được đăng trên trang mạng dưới đây của Mạng Thông Tin Đa Ngôn Ngữ (ME-net) được các học giả tuyển chọn dành cho việc thi vào trường Koko công lập tỉnh KANAGAWA. https://hsguide.me-net.or.jp

Hạ tuần tháng 10 năm 2026

Sĩ số (số lượng) tuyển sinh của các trường Koko công lập sẽ công báo trên trang nhà của Sở Giáo Dục Kanagawa và trên các báo.

Từ tháng 11 năm 2026～

Sẽ có cuộc bàn thảo cá biệt ở trường 中学(ちゅうがく), để xác nhận việc thi tuyển lên Koko. Việc làm đơn「**Dự thi theo Phương Cách Đặc Biệt**」trong tuyển sinh thông thường, sẽ thông qua trường đang học (☞Xem trang 13)

Hãy tham gia「Buổi Tiếp nhận hồ sơ và Tư vấn xét tư cách dự thi (tên dự kiến)」của Ban Giáo dục tỉnh vào ngày 28 tháng 11 (thứ Bảy). (☞ Xem trang 7)

Tại đây cũng sẽ có giải thích việc「**Dự thi theo phương cách đặc biệt**」trong tuyển sinh thông thường (☞ Xem trang 13)

Từ tháng 1 năm 2027～ Tuyển sinh thường (không tính tuyển sinh phụ) và tuyển sinh đặc cách (※1)

Lịch trình☞Trang 3

・Nếu bạn muốn tham gia kỳ thi tuyển dụng đặc biệt dành cho người nước ngoài sống trong tỉnh v.v, bạn sẽ cần kiểm tra trước khả năng đủ điều kiện tham gia kỳ thi tuyển dụng đặc biệt tại trường koko mà bạn nộp đơn.
・**Nộp đơn vào trường koko (1 trường) mà bạn muốn dự thi thông qua hệ thống nộp đơn internet.**
・Bạn chỉ có thể thay đổi trường koko mà bạn muốn dự thi một lần.
・Kiểm tra năng lực học tập, kiểm tra đặc điểm, phỏng vấn, v.v.
・Những thí sinh đỗ sẽ được công bố.

Các bạn đã trúng tuyển, trong đợt thi tuyển chung, chiêu sinh đặc biệt và trường Koko tư thục v..v..., thì không được nộp đơn thi Thi tuyển phân bổ cho các trường Không Toàn Thời - Hàm Thụ và kỳ Chiêu Sinh Đợt 2 (※2).

Từ tháng 3 năm 2027 ～ Thi tuyển phân bổ (Trường Không Toàn Thời - Hàm Thụ)

Lịch trình☞Trang 3

・Gửi đơn đăng ký nhập học cho trường koko (1 trường) mà bạn muốn dự thi.
・Bạn chỉ có thể thay đổi trường koko mà bạn muốn dự thi một lần.
・Kiểm tra năng lực học tập, kiểm tra đặc điểm, phỏng vấn, v.v.
・Những thí sinh đỗ sẽ được công bố.

(※1) Chiêu Sinh Đặc Biệt gồm có, một là「Chiêu Sinh Đặc Biệt dành cho Ngoại Kiều sống trong Tỉnh」(20 trường sẽ nhận) và hai là「Chiêu Sinh Đặc Biệt dành cho Học Sinh Hồi Hương」(8 trường sẽ nhận); về Tư Cách Nộp Đơn, xin xem ☞ **trang 2**.

(※2) Chiêu Sinh Đợt 2 là việc chiêu sinh thêm khi số học sinh trúng tuyển không đủ túc số qua cuộc Thi Tuyển Chung tại các trường Koko Toàn Thời, trường Koko Không Toàn Thời (trừ trường học ban đêm), việc này được thực hiện vào thượng tuần tháng 3. Việc thi tuyển cho đợt tuyển sinh này sẽ có lịch trrình thi khác với ngày Thi Tuyển Phân Bổ, do đó có thể nộp đơn cho cả hai đợt thi này.

２　志願資格（高校受検できる人）

（１）一般募集の志願資格

志願する高校	志願資格
全日制	次のＡＢＣすべてにあてはまる人 Ａ　2012年４月１日以前に生まれた人 Ｂ　中学校または外国において学校教育における９年の課程を卒業（修了）した人または2027年３月31日までに卒業（修了）する予定の人 Ｃ　本人と保護者が神奈川県に住んでいる人または2027年４月１日までに神奈川県に転居する予定の人
定時制・通信制	ＡＢに加えて、Ｄにあてはまる人 Ｄ　本人が神奈川県に住んでいる人（2027年４月１日までに神奈川県に転居する予定の人）または勤務地が神奈川県にある人（2027年４月１日までに神奈川県で勤務する予定の人）。

（２）特別募集の志願資格

在県外国人等特別募集 （募集する高校は 全日制16校、定時制４校 ☞ P.8）	ＡＢＣ（**定時制はＡＢＤ**）に加えて、ＥとＦにあてはまる人 Ｅ　外国籍を持っている人または日本国籍を取得して６年以内の人（2027年２月１日現在） Ｆ　入国後の在留期間が2027年２月１日現在で通算６年以内の人（小学校入学前の在留期間を除く。）
海外帰国生徒特別募集 （募集する高校は全日制８校 ☞ P.9）	ＡＢＣに加えて、Ｇにあてはまる人 Ｇ　日本国籍を持っていて、保護者に伴って、継続して２年以上外国に在住して、帰国した日が2024年３月１日以降の人

2 Tư cách của ứng viên (những người có thể dự thi koko)

（1） Điều kiện dự thi Tuyển Sinh Thông Thường

Koko muốn dự thi	Điều kiện dự thi
Tuyển Sinh Thông Thường **Chương trình** 全日制(ぜんにちせい) (hệ chính quy)	Những người hội đủ tất cả các điều kiện A, B và C dưới đây: **A** Những người sinh ra trước ngày 1 tháng 4 năm 2012 **B** Người đã tốt nghiệp bậc 中学校(ちゅうがっこう) (trường Nhật) hoặc đã hoàn tất chương trình giáo dục học đường 9 năm ở hải ngoại (đã học xong chương trình), hoặc dự định đến ngày 31 tháng 3 năm 2027 sẽ tốt nghiệp (sẽ hoàn tất chương trình). **C** Thí sinh và phu huynh hiện đang sinh sống trong tỉnh KANAGAWA, hoặc có dự định đến ngày 1 tháng 4 năm 2027 sẽ chuyển đến ở trong tỉnh KANAGAWA.
Tuyển Sinh Thông Thường **Chương trình** 定時制(ていじせい)・通信制(つうしんせい) (học theo ca/ học qua mạng)	Hội đủ các điều kiện A và B ở trên, kèm thêm điều kiện D dưới đây: **D** Bạn đang sống tại tỉnh Kanagawa (bao gồm cả người dự định chuyển đến trước ngày 1/4/2027) hoặc có nơi làm việc tại tỉnh Kanagawa (bao gồm cả người dự định làm việc tại đây trước ngày 1/4/2027).

（2） Điều kiện dự thi Tuyển Sinh Đặc Biệt

Tuyển Sinh Đặc Biệt dành cho học sinh ngoại kiều trong tỉnh (Có 16 trường Koko 全日制(ぜんにちせい) và 4 trường Koko 定時制(ていじせい) tuyển sinh theo quy chế này ☞ Xem trang 8)	Hội đủ các điều kiện A, B và C（thí sinh chương trình 定時制(ていじせい) sẽ gồm A, B và D) ở trên, kèm thêm điều kiện E và F dưới đây: **E** Người mang quốc tịch nước ngoài hoặc đã nhập quốc tịch Nhật từ 6 năm trở xuống (tính đến ngày 1/2/2027). **F** Tính đến ngày 1/2/2027, tổng thời gian cư trú sau khi nhập cảnh từ 6 năm trở xuống (không tính thời gian trước khi vào tiểu học).
Tuyển Sinh Đặc Biệt dành cho học sinh hồi hương (Có 8 trường Koko 全日制(ぜんにちせい) tuyển sinh theo quy chế này ☞ Xem trang 9)	Hội đủ các điều kiện A, B và C ở trên, kèm thêm điều kiện G dưới đây: **G** Người có quốc tịch Nhật Bản, đi cùng phụ huynh cư trú nước ngoài liên tục từ 2 năm trở lên, và về nước từ ngày 1/3/2024 trở đi.

３　公立高校の入学者選抜の概要

2027年度　神奈川県公立高校入学者選抜日程

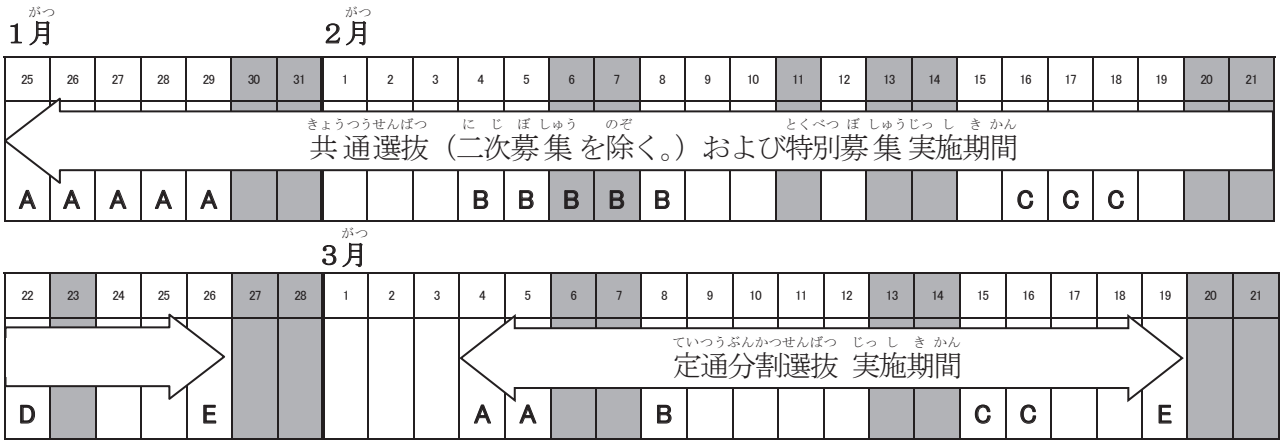

☆特別募集における志願資格確認期間：2027年１月６日（水）～１月15日（金）

A：募集期間（志願者が申請できる期間）　**B**：志願変更期間（志願者が申請できる期間）

C：検査日　**D**：追検査　**E**：合格発表

選抜の機会 ＼ 課程		全日制、定時制Ⅰ（※）	定時制Ⅱ（※）	通信制
共通選抜（二次募集を除く。）および特別募集	募集	募集人員は募集定員の100%です。	募集人員は募集定員の80%です。	
	志願	インターネット出願システムからひとつの課程・学科・コース（部）に志願します。 志願変更を１回だけすることができます。☞ P.4		
	検査	学力検査 特色検査、面接、作文を行う高校もあります。☞ P.10		作文
	選考	一般募集　☞ P.11 の選考方法を見てください。 特別募集　☞ 調査書を用いない選考をします。		調査書と実施した検査の結果をもとに総合的に選考します。
定通分割選抜	募集	実施しません。	募集人員は、募集定員の20%です。 ただし、共通選抜で募集人員に満たなかった高校では、満たなかった人数を募集人員に加えます。	
	志願		紙による入学願書でひとつの課程・学科に志願します。 志願には入学願書と面接シート等を提出します。☞ P.12 志願変更が１回だけできます。☞ P.12	
	検査		学力検査 ☞ P.12 特色検査（面接等）を行う高校もあります。	作文☞ P.12
	選考		☞ P.12 の選考方法を見てください。	調査書と実施した検査の結果をもとに総合的に選考します。

（※）定時制Ⅰ・・・夜間以外の定時制高校（県立横浜明朋高校、県立川崎高校、県立厚木清南高校、県立相模向陽館高校、横浜市立横浜総合高校、川崎市立川崎高校）

定時制Ⅱ・・・定時制Ⅰを除く夜間の定時制高校

3 Tổng quan về tuyển chọn học sinh trường cấp 3 công lập

LỊCH TRÌNH TUYỂN SINH NIÊN KHÓA 2027 CỦA CÁC TRƯỜNG KOKO CÔNG LẬP Ở KANAGAWA

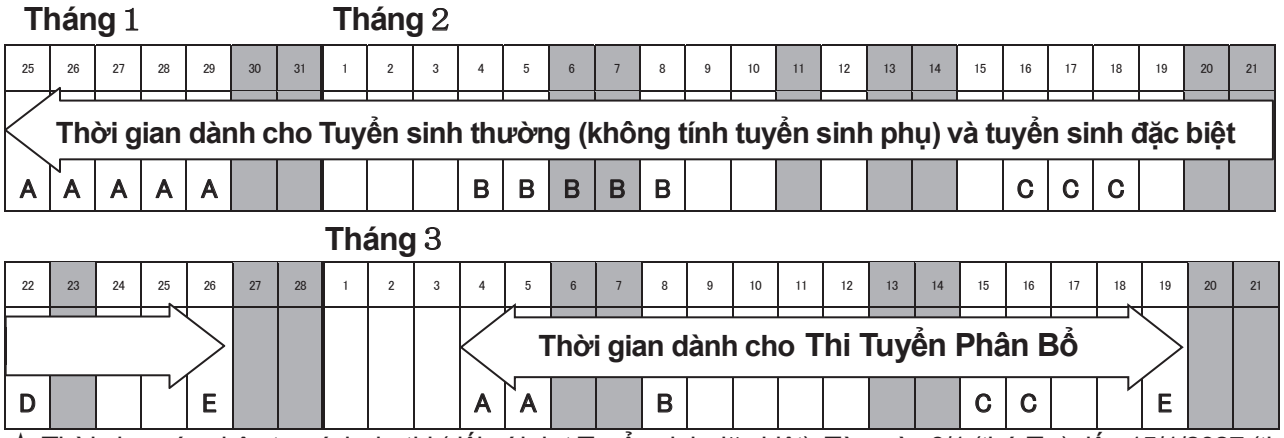

☆ Thời gian xác nhận tư cách dự thi (đối với đợt Tuyển sinh đặc biệt): Từ ngày 6/1 (thứ Tư) đến 15/1/2027 (thứ Sáu)

A: Kỳ hạn tuyển sinh (kỳ hạn nộp đơn dành cho người có nguyện vọng dự thi)

B: Kỳ hạn đổi nguyện vọng (Kỳ hạn nộp đơn dành cho người có nguyện vọng dự thi)

C: Ngày thi (Kiểm tra học lực- Vấn đáp) **D** : Kiểm tra thêm E: Công bố trúng tuyển

Kỳ Thi \ Chương Trình		全日制、定時制Ⅰ (※)	定時制Ⅱ (※)	通信制
Tuyển sinh thường (không tính tuyển sinh phụ) và tuyển sinh đặc cách	Số tuyển sinh	100% số chỉ tiêu tuyển sinh	80% số chỉ tiêu tuyển sinh	
	Đăng ký	Đăng ký cho một chương trình/khoa/khóa học (ban) thông qua hệ thống ứng dụng Internet. Bạn có thể thay đổi nguyện vọng, và chỉ được 1 lần thôi. ☞ xem trang 4		
	Kiểm tra	Kiểm tra học lực Có một số trường koko tổ chức các bài kiểm tra đặc trưng, phỏng vấn và viết luận. ☞ xem trang 10		bài văn
	Xét Duyệt	Tuyển sinh thông thường: ☞ Xem trang 11 về phương cách xét duyệt thí sinh, Tuyển sinh đặc biệt ☞ Xét duyệt không dựa trên học bạ		Nhà trường sẽ xét duyệt một cách tổng hợp dựa trên thành tích học bạ và kết quả bài thi
Thi Tuyển Phân Bổ	Số tuyển sinh	Các trường này không có chương trình tuyển sinh theo dạng thi tuyển phân bổ (số nhận thêm)	20% số chỉ tiêu tuyển sinh Tuy nhiên, trong trường hợp có trường không đạt chỉ tiêu (số học sinh phải nhận) trong kỳ thi chung, thì trường này sẽ tuyển thêm cho đủ sĩ số.	
	Đăng ký		Đăng ký dự thi vào 1 chương trình học hoặc một khoa bằng đơn xin nhập học dạng giấy. Nộp đơn xin nhập học và đơn vấn đáp v..v... để đăng ký dự thi (☞ xem trang 12) Bạn có thể thay đổi nguyện vọng trường muốn thi vào, và chỉ được 1 lần thôi. (☞xem trang 12)	
	Kiểm tra		Thi kiểm tra học lực ☞ xem trang 12 Có trường áp dụng việc 「Kiểm tra tính đặc sắc」 của thí sinh	bài văn ☞ xem trang 12
	Xét Duyệt		Về phương cách xét duyệt thí sinh, ☞ xem trang 12	Nhà trường sẽ xét duyệt một cách tổng hợp dựa trên thành tích học bạ và kết quả bài thi

(※) 定時制Ⅰ・・・ Đây là các trường 定時制高校 (vừa học vừa làm) nhưng không phải học ban đêm; gồm các trường:

県立横浜明朋高校、県立川崎高校、県立厚木清南高校、
県立相模向陽館高校、横浜市立横浜総合高校、川崎市立川崎高校

定時制Ⅱ・・・Đây cũng là trường 定時制高校, nhưng khác với loại 定時制Ⅰ, trường này mở ban đêm;

4　出願について

（1）出願手続と検査日程

手　続	日　程	場　所
特別募集における志願資格確認期間	1月6日（水）～15日（金）	志願予定先の高校
募集期間（志願者が申請できる期間）	1月25日（月）～29日（金）　インターネット出願システムで出願	
志願変更期間（志願者が申請できる期間）	2月4日（木）～8日（月）　インターネット出願システムで志願変更	
検査日	**学力検査：2月16日（火）** **特色検査・面接・作文：2月16日（火）・17日（水）・18日（木）** **追検査（※）：2月22日（月）**	志願先の高校
合格発表 合格書類の受取	2月26日（金）（発表はインターネット出願システムで行います。）志願先の高校が指定した時間に合格書類を受け取ります。	志願先の高校

（※）インフルエンザ等の感染症に罹患した場合、月経随伴症状等の体調不良等の本人に帰責されない身体・健康上の理由に該当する場合、自然災害や検査会場に向かう途中の事故・事件に巻き込まれた場合および痴漢の被害にあった場合等、やむを得ない事情により検査を受検できなかった人を対象に追検査を実施します。
ただし、通信制の高校では、追検査を実施しません。

★　志願変更について

志願変更期間中に1回だけ、インターネット出願システムで志願する高校を変更できます。

（2）出願の流れ

一般募集

共通選抜（二次募集を除く。）	①　インターネット出願システムで出願 ②　インターネット出願システムで受検料納付 昨年度は全日制 2,200円 定時制　950円（ただし、横浜市立の定時制は650円） 通信制　0円 ③　調査書の提出（中学校から提出）（※） （※）外国において学校教育における9年の課程を修了した人や、18歳以上（2027年4月1日現在）の人は提出不要です。 ④　その他の書類の提出（面接シート等。志願先の高校が指定します。）

4 Về việc nộp đơn đăng ký dự thi

（1） Thủ tục nộp đơn và lịch trinh dự thi các bài kiểm tra

Thủ tục	Lịch trình	Địa đểm
Thời gian xác nhận tư cách ứng viên trong tuyển dụng đặc biệt	Ngày 6 tháng 1 (Thứ Tư)～Ngày 15 (Thứ Sáu)	Tại các trường Koko dự định sẽ đăng ký dự thi
Kỳ hạn tuyển sinh(kỳ hạn nộp đơn dành cho người có nguyện vọng dự thi)	Ngày 25 tháng 1 (Thứ Hai)～Ngày 29 (Thứ Sáu) Nộp đơn đăng ký dự thi tại hệ thống ứng dụng Internet.	
Kỳ hạn thay đổi trường nộp đơn đăng ký (kỳ hạn nộp đơn dành cho người có nguyện vọng dự thi)	Ngày 4 tháng 2 (Thứ Năm)～Ngày 8 (Thứ Hai) đổi trường koko đăng ký dự thi tại ưng dụng internet	
Ngày thi	**Thi kiểm tra học lực: Ngày 16 tháng 2 (thứ Ba)** **Thi vấn đáp / Kiểm tra tính đặc sắc / Bài viết luận :** **Ngày 16 (thứ Ba) , 17 (thứ Tư) , ngày 18 (thứ Năm) tháng 2** Kiểm tra bổ sung （※）: Ngày 22 Tháng 2 (Thứ Hai)	Tại các trường Koko sẽ dự thi
Công bố kết quả Nhận giấy báo trúng tuyển	Ngày 26 tháng 2 (thứ Sáu) (công bố kết quả dự thi sẽ được thực hiện thông qua hệ thống đăng ký internet.) Bạn sẽ nhận được các tài liệu thi đỗ vào thời gian được chỉ định bởi trường koko mà bạn đăng ký.	Tại các trường Koko sẽ dự thi

(※) Kiểm tra bổ sung sẽ được tiến hành với những người không thể dự thi do các trường hợp không thể tránh khỏi như bị cảm cúm (influenza), tình trạng thể chất hoặc sức khỏe không liên quan đến ý muốn của bạn chẳng hạn như tình trạng thể chất kém do các triệu chứng kinh nguyệt, gặp thảm họa thiên nhiên hoặc tai nạn hoặc sự cố trên đường đến nơi dự thi, hoặc trong trường hợp bạn là một nạn nhân cưa sự quấy rối tình dục, v.v..
Tuy nhiên, các trường koko hình thức học online sẽ không tiến hành việc kiểm tra bổ sung.

★ **Về việc thay đổi nguyện vọng trường thi**
Bạn chỉ có thể thay đổi trường koko mà bạn đăng ký tại hệ thống đăng ký dự thi trên internet một lần trong thời gian thay đổi đăng ký.

（2） Quá trình nộp đơn đăng ký dự thi

Tuyển Sinh Thông Thường

Tuyển sinh thường (không tính tuyển sinh phụ)	① Nộp đơn đăng ký dự thi tại hệ thống ứng dụng Internet. ② Đóng phí dự thi tại hệ thống ứng dụng Internet. Niên khóa năm vừa qua: - 全日制(ぜんにちせい) (Toàn thời) : 2.200 yen - 定時制(ていじせい) (Vừa học vừa làm) : 950 yen (trường của t/x Yokohama: 650 yen) - 通信制(つうしんせい) (Hàm thụ) : 0 yen ③ Học bạ (Do trường 中学(ちゅうがく) nộp) (※) (※) Người đã hoàn tất chương trình giáo dục học đường 9 năm ở hải ngoại, hoặc người trên 18 tuổi (tại thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2027), thì không cần nộp. ④ Nộp những giấy tờ cần thiết khác (Tờ check phỏng vấn v.v,. Trường koko bạn đã nộp đơn dự thi sẽ chỉ định.)

特別募集

在県外国人等 特別募集	①②③④に加えて、 ⑤　外国籍を持っている、または、日本国籍を取得して６年以内（2027年２月１日現在）であることを証明する書類を志願予定先の高校に提示する。(※) ⑥　入国後通算６年以内であることを証明する書類（パスポート、出入国記録等）を志願予定先の高校に提示する。(※) (※) ⑤⑥の手続は、１月６日（水）～15日（金）に行ってください。 出入国記録の発行には１か月以上かかります。発行については、出入国在留管理庁にお問合せください。
海外帰国生徒 特別募集	①②③④に加えて、 ⑦　日本国籍を持っていて、保護者に伴って、継続して２年以上外国に在住して、帰国した日が2024年３月１日以降であることを証明する書類（保護者と本人のパスポート、出入国記録または会社の証明書等）を志願予定先の高校に提示する。(※) (※) ⑦の手続は、１月６日（水）～15日（金）に行ってください。 出入国記録の発行には１か月以上かかります。発行については、出入国在留管理庁にお問合せください。

【志願についての重要事項】

☞ **外国において９年の課程を修了した人は、P．７の「外国において学校教育における９年の課程を修了した人の手続」を見てください。**

○　志願できる高校は１校１課程１学科またはコース（部）です。

○　同じ学校に２つ以上の部（午前部、午後部等）がある定時制高校では、第２希望として他の部に志願することができます。また、農業、工業、商業および水産に関する学科の中で、２つ以上の科がある高校では、第２希望として他の科に志願することができます。ただし、第２希望は、第１希望で定員が埋まらなかったときのみ、選考の対象となります。

○　県立横浜国際高校では、国際科（国際バカロレアコースを除く。）および国際科国際バカロレアコースについて、同じ高校の他の一方に第２希望として志願することができます。

Tuyển Sinh Đặc Biệt

Tuyển Sinh Đặc Biệt Dành Cho Học Sinh Ngoại Kiều Trong Tỉnh	Gồm các điều ①、②、③ và ④ ở trên, kèm thêm những giấy tờ sau: ⑤ Xuất trình giấy tờ chứng minh mang quốc tịch nước ngoài hoặc đã nhập quốc tịch Nhật từ 6 năm trở xuống (tính đến ngày 1/2/2027) cho trường koko dự định nộp đơn. (※) ⑥ Xuất trình giấy tờ chứng minh thời gian cư trú sau khi nhập cảnh từ 6 năm trở xuống (hộ chiếu, bản ghi quá trình xuất nhập cảnh, v.v.) cho trường koko dự định nộp đơn. (※) (※) Vui lòng thực hiện thủ tục ⑤ và ⑥ từ ngày 6/1(thứ Tư) đến, ngày 15/1 (thứ Sáu). Lưu ý: Việc cấp "Bản ghi quá trình xuất nhập cảnh" sẽ mất từ 1 tháng trở lên. Vui lòng liên hệ Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú để biết thêm chi tiết.
Tuyển Sinh Đặc Biệt Dành Cho Học Sinh Hồi Hương	Gồm các điều ①、②、③ và ④ ở trên, kèm thêm những giấy tờ sau: ⑦ Xuất trình giấy tờ chứng minh bạn có quốc tịch Nhật Bản, đi cùng phụ huynh cư trú ở nước ngoài liên tục từ 2 năm trở lên và về nước từ ngày 1/3/2024 trở đi (hộ chiếu của phụ huynh và bản thân, bản ghi quá trình xuất nhập cảnh hoặc giấy chứng nhận của công ty, v.v.) cho trường koko dự định nộp đơn. (※) (※) Vui lòng thực hiện thủ tục ⑦ từ ngày 6/1(thứ Tư) đến, ngày 15/1 (thứ Sáu). Lưu ý: Việc cấp "Bản ghi quá trình xuất nhập cảnh" sẽ mất từ 1 tháng trở lên. Vui lòng liên hệ Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú để biết thêm chi tiết.

【Các mục quan trọng về việc nộp đơn dự thi】

☞ Nếu bạn đã hoàn thành khóa học 9 năm ở nước ngoài, vui lòng xem “Thủ tục dành cho người đã hoàn thành khóa học 9 năm học phổ thông ở nước ngoài” ở trang 7.

○ Mỗi thí sinh chỉ được nộp đơn dự thi vào 1 trường, 1 hệ đào tạo, 1 ngành học hoặc 1 khóa học (khoa).

○ Tại các trường koko hệ bán thời gian (Teijisei) có từ 2 khoa trở lên (khoa buổi sáng, khoa buổi chiều, v.v.) trong cùng một trường, bạn có thể nộp Nguyện vọng 2 vào khoa khác. Tương tự, đối với các trường có từ 2 ngành trở lên thuộc lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại và thủy sản, bạn cũng có thể nộp Nguyện vọng 2 vào ngành khác. Tuy nhiên, Nguyện vọng 2 chỉ được xét tuyển khi Nguyện vọng 1 chưa tuyển đủ chỉ tiêu.

○ Tại Trường Trung học Quốc tế Tỉnh Yokohama, bạn có thể đăng ký vào Khoa Quốc tế (không bao gồm Khóa học Tú tài Quốc tế) hoặc Khóa học Tú tài Quốc tế của Khoa Quốc tế như là lựa chọn thứ hai của bạn tại cùng một trường koko.

（3）面接シートについて

面接シートは、志願先の高校が提出を求める場合、受検者本人の考えを自分で書いて、志願先の高校に提出します。必ず日本語で記入します。面接シートは面接の時の参考資料であり、書いてある内容について評価は行いません。志願変更の際、志願変更先の高校が面接シートの提出を求める場合には新しく面接シートを作成し、志願変更先の高校に提出します。面接シートはコピーの提出でも構いません。面接シートの代わりに志願先または志願変更先の高校が指定する用紙の提出を求める場合もあります。

第 14 号様式

面　接　シ　ー　ト

※受検番号	

志願者氏名	フリガナ	中学校名	立　　中学校
志願先	（県・市）立　　高等学校　　科		コース　部

◎　面接の質問内容の参考とするため、次のことについて記入してください。
◎　このシートは面接の際の参考資料で、直接に選考資料にはしません。

1　なぜこの学校に入学したいのですか。

「1　なぜこの学校に入学したいのですか。」には、あなたが志願する高校に入学したいと思っている理由を、できるだけ具体的に記入してください。

2　教科等の学習活動や教科等以外の活動に対して、これまでに意欲的に取り組んだことや高校で意欲的に取り組みたいこと、また、自分自身のよいところなどを書いてください。

「2　教科等の学習活動や教科等以外の活動に対して、これまでに意欲的に取り組んだことや高校で意欲的に取り組みたいこと、また、自分自身のよいところなどを書いてください。」には、学習やスポーツ、文化、ボランティア活動など、これまでに力を入れて取り組んだことや、高校入学後に取り組んでいきたいこと、自分自身のよいところなどを、できるだけ具体的に記入してください。学校内の活動だけでなく学校外での活動や、高校での取組みを生かして高校卒業後に挑戦したいことなどを記入しても構いません。

記入する項目は、一つでも複数でも構いません。

これまでに取り組んできたことや、これから取り組みたいことなどを自由に記入して、自分自身をアピールしてください。

記入上の注意

1 ※の欄は記入しないこと。

2 枠内に自筆で記入すること。鉛筆書きも可。写真等は貼り付けないこと。

【記入上の注意】1　※の欄は記入しないこと。
2　枠内に自筆で記入すること。鉛筆書きも可。写真等は貼り付けないこと。

（3）Bản văn dự thi vấn đáp (面接シート)

Nếu trường koko đăng ký yêu cầu nộp tờ phỏng vấn (Mensetsu sheet), bạn hãy tự viết suy nghĩ của mình và nộp cho trường. Hãy chắc chắn viết bằng tiếng Nhật. Tờ phỏng vấn này là tài liệu tham khảo khi phỏng vấn, nội dung viết trong đó sẽ không bị chấm điểm. Khi thay đổi trường đăng ký, nếu trường koko mới yêu cầu nộp, bạn cần làm tờ phỏng vấn mới để nộp cho trường mới. Có thể nộp bản sao (photocopy). Trong một số trường hợp, trường đăng ký hoặc trường mới có thể yêu cầu nộp theo mẫu do trường chỉ định thay vì tờ phỏng vấn.

第 14 号様式

面　接　シ　ー　ト

※受　検 番　号	

志願者 氏　名	フリガナ	中学校名	立　　中学校
志願先	（県・市）立　　高等学校　　科		コース 部

◎　面接の質問内容の参考とするため、次のことについて記入してください。
◎　このシートは面接の際の参考資料で、直接に選考資料にはしません。

1　なぜこの学校に入学したいのですか。

Đối với "1 Tại sao bạn muốn vào trường này?" Vui lòng viết ra lý do của bạn muốn vào trường koko mà bạn đã nộp đơn dự thi càng chi tiết càng tốt.

2　教科等の学習活動や教科等以外の活動に対して、これまでに意欲的に取り組んだことや高校で意欲的に取り組みたいこと、また、自分自身のよいところなどを書いてください。

Đối với"2. Về các hoạt động học tập như các môn học và các hoạt động khác ngoài môn học, hãy viết về những gì bạn đã nhiệt tình làm cho đến nay, những gì bạn muốn làm ở trường koko và những gì bạn làm giỏi." , hãy viết càng chi tiết càng tốt những gì bạn đã nỗ lực, chẳng hạn như học tập, thể thao, văn hóa, hoạt động tình nguyện, v.v., bạn muốn làm gì sau khi vào koko và bạn giỏi về lĩnh vực gì. .
Bạn có thể viết không chỉ các hoạt động trong trường mà còn cả các hoạt động bên ngoài trường học, và những gì bạn muốn thử thách sau khi tốt nghiệp trung học bằng cách tận dụng những nỗ lực ở trường koko của mình.
Bạn có thể ghi về một hoặc nhiều hoạt động.
Vui lòng viết ra những gì bạn đã làm cho đến nay và những gì bạn muốn làm trong tương lai, và tự thể hiện chính mình.

Các điều lưu ý khi điền vào bản này:
1. Không điền vào các khung có đánh dấu ※
2. Xin tự điền vào trong khung (nét bút của chính mình). Có thể sử dụng viết chì. Không được dán hình ảnh v..v...

【記入上の注意】1　※の欄は記入しないこと。
2　枠内に自筆で記入すること。鉛筆書きも可。写真等は貼り付けないこと。

５　外国において学校教育における９年の課程を修了した人の手続

志願資格の承認を受ける手続（志願資格承認申請）が必要です。次の県教育委員会の志願資格承認申請受付・相談会（仮称）に参加してください。

県教育委員会主催の志願資格承認申請受付・相談会（仮称）（通訳あり）

11月28日（土）14：00～　横浜市西公会堂　地図☞ **P.9**

横浜市西区岡野１－６－41

「横浜駅」から徒歩10分　相鉄線「平沼橋駅」から徒歩７分

（注意）駐車場はありません。公共交通機関をご利用ください。

↑地図が表示されます

※志願資格承認申請の受付を行います。

下の〈必要な書類〉①～③を持ってきてください。

その他の必要な書類もお渡しします。必要な方には入学者選抜の説明も行います。

※最新の情報はME-netのホームページを参考にしてください。（https://hsguide.me-net.or.jp）

神奈川県の公立中学校職員の方へ

神奈川県の公立中学校に在籍している人は、参加できません。

○　手続の方法

【保護者とともに県内に住んでいる人（全日制の志願資格がある人）】

11月28日（土）の県教育委員会主催の志願資格承認申請受付・相談会（仮称）または11月30日（月）～１月15日（金）に県教育委員会（高校教育課）で、志願資格承認申請をしてください。

〈必要な書類〉

① 県内に本人と保護者が住んでいること、または住む予定があることを示す書類
（本人と保護者の住所および続柄がわかる、**住民票等**）

② 外国において学校教育における９年の課程を修了したことを示す書類
（外国の中学校の卒業証明書等を原本で確認します。）

③ 志願資格承認申請書（第15号様式）（県教育委員会のホームページからダウンロードできます。）

共通選抜（二次募集を除く。）は、神奈川県公立高校の志願資格が認められれば、インターネット出願システムから出願できます。特別募集は、Ｐ．５の手続も必要です。

共通選抜（二次募集）および定通分割選抜は、「志願資格承認書」を県教育委員会から受け取り、志願先の高校の窓口に、入学願書と一緒に「志願資格承認書」を提出します。

【保護者が県内に住んでいない人（定時制・通信制の志願資格のみの人※）】

志願先の高校の窓口で、定時制・通信制への志願資格承認申請書（第18号様式）を提出してください。上記の〈必要な書類〉①②を高校に提示します。（住所を証明する書類は本人のものだけでよいです。）

※　定時制・通信制は、**本人が**県内に住んでいる、または、県外に住んでいても県内に勤務地があれば、志願資格があります。

【問合せ先】

・県教育委員会　高校教育課　入学者選抜・定員グループ　TEL (045)210-8084［直通・日本語対応］

5 Thủ tục dành cho thí sinh đã hoàn tất chương trình giáo dục 9 năm ở hải ngoại

Bạn cần làm thủ tục xét duyệt tư cách dự thi (Yêu cầu công nhận tư cách dự thi). Hãy tham gia "Buổi Tiếp nhận hồ sơ và Tư vấn xét tư cách dự thi (tên dự kiến)" của Ban Giáo dục tỉnh dưới đây.

Buổi Tiếp nhận hồ sơ và Tư vấn xét tư cách dự thi (tên dự kiến) do Ban Giáo dục tỉnh tổ chức (Có thông dịch viên)

Ngày giờ: Ngày 28 tháng 11 (thứ Bảy) / từ 14:00 ～ Bảng đồ ☞ Trang 9

Địa điểm: Yokohama Nishi Kokaido (横浜市西公会堂)

Yokohama-shi, Nishi-ku, Okano 1- 6 - 41

Từ ga Yokohama 横浜駅, đi bộ 10 phút

Từ ga Hiranuma-bashi 平沼橋駅 của Sōtetsu, đi bộ 7 phút

↑Bảng đồ sẽ hiện lên

(Lưu ý) Không có bãi đậu xe. Vui lòng sử dụng phương tiện giao thông công cộng.

※Trong buổi hướng dẫn này, sẽ được tiếp nhận việc đăng ký phê duyệt tư cách nộp đơn dự thi. Những ai có dự định đăng ký, xin hãy chuẩn bị những tài liệu cần thiết từ ① đến ③ như sau. Chúng tôi sẽ giao các tài liệu cần thiết khác vào buổi hướng dẫn. Và cũng sẽ có hướng dẫn về quy trình tuyển sinh dành cho người cần thiết.

※Hãy vào trang ME-net để tham khảo thông tin mới nhất. (https://hsguide.me-net.or.jp)

Dành cho cán bộ/giáo viên trường trung học cơ sở công lập tỉnh Kanagawa

Học sinh đang học tại các trường trung học cơ sở công lập tỉnh Kanagawa không được tham gia.

○ Cách thức làm thủ tục

【Người cùng với phụ huynh đang sống trong tỉnh này (Có điều kiện dự thi 全日制)】

Vui lòng làm thủ tục xin xét tư cách dự thi tại "Buổi Tiếp nhận hồ sơ và Tư vấn xét tư cách dự thi (tên dự kiến)" do Ban Giáo dục tỉnh tổ chức vào ngày 28/11 (thứ Bảy), hoặc từ ngày 30/11 (thứ Hai) đến 15/1/2027 (thứ Sáu) tại Phòng Giáo dục Phổ thông trung học thuộc Ban Giáo dục tỉnh (Koko Kyoiku-ka).

〈Những giấy tờ cần thiết〉

① Giấy tờ chứng minh thí sinh cùng phụ huynh đang sinh sống, hoặc dự định sẽ về sống trong tỉnh KANAGAWA (Giấy chứng minh cư trú (住民票) v..v... ghi rõ địa chỉ của học sinh và phụ huynh cũng như sự liên hệ của nhau)

② Giấy tờ chứng minh thí sinh đã hoàn tất chương trình giáo dục 9 năm ở hải ngoại（Sẽ có kiểm tra bản chính của bằng tốt nghiệp cấp 2 ở nước ngoài.）

③「Đơn Xin Thừa Nhận Tư Cách Dự Thi」(志願資格承認申請) (Mẫu số 15)

（Có thể tải số ③ tại trang web của Ban giáo dục của tỉnh.）

Đối với đợt Tuyển sinh chung - Kyotsu Senbatsu (trừ đợt Tuyển sinh bổ sung - Niji boshu), nếu được công nhận tư cách dự thi vào các trường THPT công lập tỉnh Kanagawa, bạn có thể nộp đơn qua Hệ thống nộp đơn Internet. Đối với đợt Tuyển sinh đặc biệt (Tokubetsu boshu), bạn cần thực hiện thêm thủ tục tại trang 5. Đối với đợt Tuyển sinh chung (Tuyển sinh bổ sung) và Tuyển sinh 分割 (Teitsu bunkatsu senbatsu), bạn cần nhận "Giấy công nhận tư cách dự thi" từ Ban Giáo dục tỉnh, sau đó nộp giấy này cùng với Đơn nhập học (Gansho) tại quầy của trường koko dự định nộp đơn.

【Người có phụ huynh không sống trong tỉnh này (Chỉ được dự thi 定時制 hoặc 通信制※)】

Vui lòng nộp đơn xin phê duyệt trình độ đăng ký dự thi cho các khóa học chia thời gian/kháo học online (Mẫu số 18) tại quầy của trường koko mà bạn đăng ký. Xuất trình <tài liệu cần thiết> ①② ở trên cho trường koko. (Chỉ những tài liệu chứng minh địa chỉ là của bạn.)

※ Đối với hệ Bán thời gian (Teijisei) / hệ Từ xa (Tsushinsei), bạn sẽ có tư cách dự thi nếu bản thân đang sống trong tỉnh Kanagawa, hoặc dù sống ngoài tỉnh nhưng có nơi làm việc nằm trong tỉnh.

【Mọi chi tiết xin liên lạc về:】

・Phòng Xét Tuyển-Sĩ Số Nhập Học / Ban Giáo Dục THPT / Ty Giáo Dục Tỉnh

Số điện thoại: **045-210-8084** [Điện thoại trực tiếp / Chỉ sử dụng tiếng Nhật]

６　在県外国人等特別募集と海外帰国生徒特別募集の実施校

【在県外国人等特別募集の実施校】　全日制16校、定時制４校

学校名	課程	学科	所在地	前年度募集定員
県立鶴見総合高校	全日制	単位制総合学科	横浜市鶴見区	２０
県立横浜清陵高校	全日制	単位制普通科	横浜市南区	１３
県立磯子工業高校	全日制	機械科	横浜市磯子区	2
		電気科		2
		建設科		2
		化学科		2
県立新栄高校	全日制	普通科	横浜市都筑区	１２
県立川崎高校	全日制	単位制普通科	川崎市川崎区	１３
県立大師高校	全日制	単位制普通科	川崎市川崎区	１３
県立橋本高校	全日制	普通科	相模原市緑区	１０
県立相模原弥栄高校	全日制	単位制普通科	相模原市中央区	１０
県立高浜高校	全日制	普通科	平塚市	１０
県立藤沢総合高校	全日制	単位制総合学科	藤沢市	１０
県立大和南高校	全日制	普通科	大和市	１０
県立伊勢原高校	全日制	普通科	伊勢原市	１０
県立座間総合高校	全日制	単位制総合学科	座間市	１５
県立愛川高校	全日制	普通科	愛甲郡愛川町	１５
県立横浜明朋高校	定時制	単位制普通科	横浜市港南区	午前部　１５
				午後部　１５
県立相模向陽館高校	定時制	単位制普通科	座間市	午前部　１５
				午後部　１５
横浜市立みなと総合高校	全日制	単位制総合学科	横浜市中区	6
横浜市立横浜商業高校	全日制	国際学科	横浜市南区	4
横浜市立横浜総合高校	定時制	単位制総合学科	横浜市南区	１０
川崎市立川崎高校	定時制	普通科昼間部	川崎市川崎区	8

※　2027年度の募集定員は、10月下旬に県教育委員会のホームページや新聞等で発表されます。

6 Các trường có quy chế tuyển sinh đặc biệt dành cho thí sinh người ngoại quốc sống trong tỉnh và con em gia đình hồi hương

【Các trường có quy chế tuyển sinh đặc biệt dành cho thí sinh người ngoại quốc sống trong tỉnh】

Trường 全日制 : 16 trường - Trường 定時制: 4 trường

Tên trường	Hệ	Ban - Khoa	Địa phương	Chỉ số tuyển sinh niên khóa trước
県立鶴見総合高校	全日制	Quy chế tín chỉ -Ban Tổng Hợp	横浜市鶴見区	20
県立横浜清陵高校	全日制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	横浜市南区	13
県立磯子工業高校	全日制	Ngành Cơ khí	横浜市磯子区	2
		Ngành Điện		2
		Ngành Xây dựng		2
		Ngành Hóa học		2
県立新栄高校	全日制	Ban Phổ Thông	横浜市都筑区	12
県立川崎高校	全日制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	川崎市川崎区	13
県立大師高校	全日制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	川崎市川崎区	13
県立橋本高校	全日制	Ban Phổ Thông	相模原市緑区	10
県立相模原弥栄高校	全日制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	相模原市中央区	10
県立高浜高校	全日制	Ban Phổ Thông	平塚市	10
県立藤沢総合高校	全日制	Quy chế tín chỉ -Ban Tổng Hợp	藤沢市	10
県立大和南高校	全日制	Ban Phổ Thông	大和市	10
県立伊勢原高校	全日制	Ban Phổ Thông	伊勢原市	10
県立座間総合高校	全日制	Quy chế tín chỉ -Ban Tổng Hợp	座間市	15
県立愛川高校	全日制	Ban Phổ Thông	愛甲郡愛川町	15
県立横浜明朋高校	定時制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	横浜市港南区	Lớp buổi sáng 15
				Lớp buổi chiều 15
県立相模向陽館高校	定時制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	座間市	Lớp buổi sáng 15
				Lớp buổi chiều 15
横浜市立みなと総合高校	全日制	Quy chế tín chỉ -Ban Tổng Hợp	横浜市中区	6
横浜市立横浜商業高校	全日制	Ban Quốc Tế Học	横浜市南区	4
横浜市立横浜総合高校	定時制	Quy chế tín chỉ -Ban Tổng Hợp	横浜市南区	10
川崎市立川崎高校	定時制	Ban Phổ Thông Ban Ngày	川崎市川崎区	8

※ Sĩ số tuyển sinh niên khóa 2027 sẽ được công bố trên trang web nhà của Ty Giáo Dục Tỉnh Kanagawa hoặc trên báo chí v.v.. vào hạ tuần tháng 10.

【海外帰国生徒特別募集の実施校】　全日制８校

学校名	課程	学科・コース	所在地	前年度募集定員
県立神奈川総合高校	全日制	単位制普通科国際文化コース	横浜市神奈川区	１０
県立横浜国際高校	全日制	単位制国際科	横浜市南区	２０
		単位制国際科 国際バカロレアコース		５
県立新城高校	全日制	普通科	川崎市中原区	１０
県立相模原弥栄高校	全日制	単位制普通科	相模原市中央区	５
県立西湘高校	全日制	普通科	小田原市	１０
県立鶴嶺高校	全日制	普通科	茅ヶ崎市	１５
県立伊志田高校	全日制	普通科	伊勢原市	１０
横浜市立東高校	全日制	単位制普通科	横浜市鶴見区	１０

※　2027年度の募集定員は、10月下旬に県教育委員会のホームページや新聞等で発表されます。

県教育委員会主催の志願資格承認申請受付・相談会（仮称）（通訳あり）

11月28日（土）14：00 ～　横浜市西公会堂

横浜市西区岡野１－６－41

「横浜駅」から徒歩10分

相鉄線「平沼橋駅」から徒歩７分

にし　こうかいどう
NISHI　KOKAIDO

（注意）駐車場はありません。

公共交通機関をご利用ください。

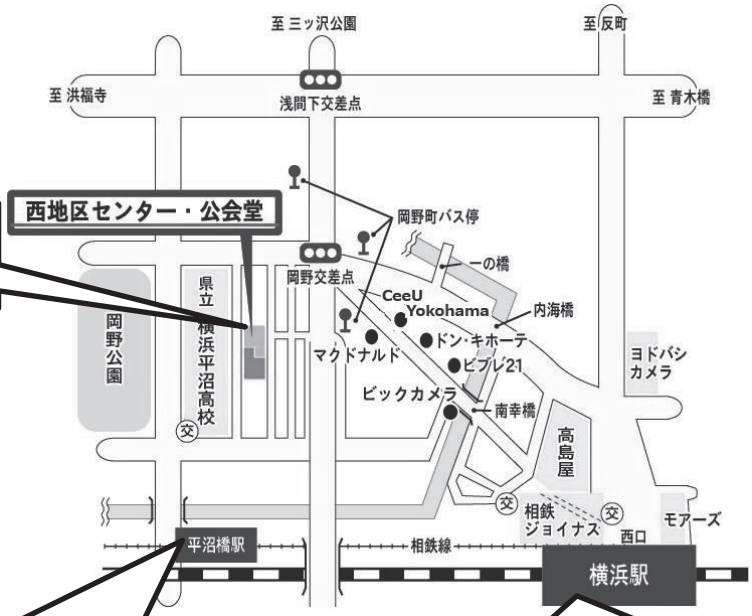

ひらぬまばしえき　Hiranuma-bashi　Stn.

よこはまえき　Yokohama　Stn.

↑地図が表示されます

【Các trường có quy chế tuyển sinh đặc biệt dành cho thí sinh là con em gia đình hồi hương】

Trường 全日制 : 8 trường

Tên trường	Hệ	Ban - Khóa	Địa phương	Chỉ số tuyển sinh niên khóa trước
県立神奈川総合高校	全日制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông, Khoa Văn Hóa Quốc Tế	横浜市神奈川区	10
県立横浜国際高校	全日制	Quy chế tín chỉ - Ban Quốc Tế	横浜市南区	20
		Quy chế tín chỉ - phân khoa Quốc Tế Ban Tú Tài Quốc Tế		5
県立新城高校	全日制	Ban Phổ Thông	川崎市中原区	10
県立相模原弥栄高校	全日制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	相模原市中央区	5
県立西湘高校	全日制	Ban Phổ Thông	小田原市	10
県立鶴嶺高校	全日制	Ban Phổ Thông	茅ヶ崎市	15
県立伊志田高校	全日制	Ban Phổ Thông	伊勢原市	10
横浜市立東高校	全日制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	横浜市鶴見区	10

※ Sĩ số tuyển sinh niên khóa 2027 sẽ được công bố trên trang web nhà của Ty Giáo Dục Tỉnh Kanagawa hoặc trên báo chí v.v.. vào hạ tuần tháng 10.

Buổi Tiếp nhận hồ sơ và Tư vấn xét tư cách dự thi (tên dự kiến) do Ban Giáo dục tỉnh tổ chức（Có thông dịch viên）

Ngày giờ: Thứ Bảy - Ngày 28 tháng 11 / từ 14:00 ～

Địa điểm: Yokohama Nishi Kokaido (横浜市西公会堂)

Yokohama-shi, Nishi-ku, Okano 1- 6 - 41

Từ ga Yokohama 横浜駅, đi bộ 10 phút

Từ ga Hiranuma-bashi 平沼橋駅 của Sōtetsu, đi bộ 7 phút

(Lưu ý) Không có bãi đậu xe.

Vui lòng sử dụng phương tiện giao thông công cộng.

↑Bảng đồ sẽ hiện lên

7　入学者選抜の検査について

（1）一般募集の検査内容

全日制	・学力検査（英語、国語、数学、理科、社会の５教科） ただし、「クリエイティブスクール（※）」では、学力検査を行いません。 ・特色検査（面接、実技検査、自己表現検査）を行う学校もあります。 特色検査を行う学校は、学力検査を３教科にまで減らすことがあります。
定時制	・学力検査（英語、国語、数学の３教科） ・特色検査（面接、実技検査、自己表現検査）を行う学校もあります。
通信制	・作文

（※）「クリエイティブスクール」は、県立釜利谷高校、県立横須賀南高校の普通科、県立小田原北高校の普通科、県立大和東高校、県立青葉総合高校の５校です。

（2）特別募集の検査内容

在県外国人等特別募集	全日制16校と定時制４校（☞ P.8） ・学力検査（英語、国語、数学の３教科） 学力検査は、ルビ（漢字にふりがな）付きの日本語で出題されます。 ・面接
海外帰国生徒特別募集	全日制８校（☞ P.9） ・学力検査（英語、国語、数学の３教科） ・作文 ・面接 ・特色検査（県立横浜国際高校国際科国際バカロレアコースのみ）

【注意】

・「募集案内Ⅱ」（※）に各高校の「学力検査」の教科数や「特色検査」の内容が書いてあります。

（※）神奈川県教育委員会ホームページに掲載

https://www.pref.kanagawa.jp/docs/dc4/nyusen/nyusen/bosyuannai.html

・共通選抜、特別募集および私立高校等に合格した人は、定通分割選抜（☞ P.12）への志願はできません。

※ 入学を辞退しても志願できません。

・学力検査は各教科50分です。一般募集で特別な受検方法を希望する場合は手続が必要です。（☞ P.13）

・全日制と定時制の学力検査の問題は異なります。

7 Về kỳ thi tuyển sinh

（1）Nội dung thi trong việc tuyển sinh thông thường

Chương trình toàn thời ぜんにちせい 全日制	・Có thi「Kiểm Tra Học Lực」(5 môn: Anh Văn, Quốc Ngữ, Toán , Lý khoa, Xã hội) Tuy nhiên, “Trường Sáng Tạo (※)” sẽ không tổ chức thi học lực. ・Một số trường tổ chức các bài kiểm tra đặc trưng (phỏng vấn, kiểm tra kỹ năng thực hành, kiểm tra khả năng thể hiện bản thân). Các trường thực hiện các bài kiểm tra đặc trưng có thể giảm bài kiểm tra thành tích xuống còn 3 môn.
Chương trình không toàn thời - vừa học vừa làm ていじせい 定時制	・Có thi「Kiểm Tra Học Lực」(3 môn: Anh Văn, Quốc Ngữ và Toán) ・Có trường thực hiện việc kiểm tra kỹ năng thực hành, khả năng diễn đạt bản thân qua việc khảo hạch gọi là thi「Kiểm tra tính đặc sắc」(特色検査) .
Chương trình hàm thụ つうしんせい 通信制	・Có thi viết văn.

（※）Các "Trường Sáng tạo (Creative School)" gồm 5 trường công lập của tỉnh: Trường THPT Kamariya, Khoa Phổ thông trường THPT Yokosuka Minami, Khoa Phổ thông trường THPT Odawara Kita, Trường THPT Yamato Higashi, và Trường THPT Aoba Sogo.

（2）Nội dung thi trong việc tuyển sinh đặc biệt

Tuyển sinh đặc biệt dành cho ngoại kiều đang sinh sống trong tỉnh.	Có 16 trường 全日制 và 4 trường 定時制（☞Xem trang 8） ・ Có thi「Kiểm tra học lực」(3 môn : Anh Văn, Quốc Ngữ và Toán) Đề thi「Kiểm tra học lực」sẽ được viết bằng tiếng Nhật, và được phiên âm Hiragana trên chữ Hán. ・ Có thi vấn đáp.
Tuyển sinh đặc biệt dành cho học sinh hồi hương.	Có 8 trường 全日制（☞Xem trang 9） ・ Có thi「Kiểm tra học lực」（3 môn : Anh Văn, Quốc Ngữ và Toán） ・Có thi viết văn. ・Có thi vấn đáp. ・Ở phân khoa Quốc Tế Ban Tú Tài Quốc Tế (danh xưng tạm gọi) của trường Yokohama Kokusai Koko của tỉnh Kanagawa, có phần khảo hạch「Kiểm tra tính đặc sắc」(特色検査)

【Lưu ý】

・Tập Hướng Dẫn Tuyển Sinh「募集案内Ⅱ」（※）trong đó có ghi nội dung các môn phải thi trong phần thi「Kiểm tra học lực」hoặc khảo hạch「Kiểm tra tính đặc sắc」của tất cả các trường.
（※）Được đăng trên trang web của Ủy ban Giáo dục tỉnh Kanagawa
https://www.pref.kanagawa.jp/docs/dc4/nyusen/nyusen/bosyuannai.html

・Người đã trúng tuyển qua kỳ Thi Tuyển Chung hoặc trường Koko tư thục, thì không được dự thi cuộc「Thi tuyển phân bổ cho các trường Koko Không Toàn Thời (vừa học vừa làm) hoặc trường Koko Hàm Thụ」(定通分割選抜)(☞Xem trang 12).
※ Kể cả khi tư bỏ trường đã trúng tuyển, thì cũng không đươc phép dự thi loai này.

・Cuộc thi Kiểm Tra Học Lực sẽ dành ra 50 phút cho mỗi môn thi. Khi tham gia thi tuyển thông thường, trường thí sinh có nguyện vọng được hưởng quy chế đặc biệt để thi, thì cân phải làm thủ tục này. (☞ Xem trang 13).

・Các đề thi trong cuộc thi「Kiểm tra học lực」của các trường Koko Toàn Thời (全日制) và Koko Không Toàn Thời (定時制) sẽ khác nhau.

（3）選考方法（合格者の決め方）

①選考の資料

特色検査がある学校のみ

A　中学校の成績（調査書の評定）	B　学力検査の合計得点	D　特色検査の得点
中学校２年の５段階評定の合計（45点満点） ＋ 中学校３年の５段階評定の合計の２倍 （90点満点）（※１）（※２）	学力検査の合計得点 （各教科100点満点）（※１）	特色検査の得点

（※１）各学校の比率や、特定の教科を重点化をする学校は、「選考基準」等で公表されます。

（※２）第２次選考では、評定ではなく調査書の各教科における第３学年の「主体的に学習に取り組む態度」の評価が選考の資料となります。

A、B（特色検査がある学校は **D** を含む。）の得点それぞれを**100点満点**に換算

A　中学校の成績	B　学力検査の合計得点	D　特色検査の得点
→**a**（100点満点）	→**b**（100点満点）	→**d**（100点満点）

合計数値 **S ＝ a×f ＋ b×g（＋d×i）**

（**f**、**g**、**i** は比率を表します。）

比率（**f**：**g**：**i**）の例

（例１）中学校の成績を重視、特色検査はなし（８：２：０）

（例２）学力検査を重視、特色検査はなし（３：７：０）

（例３）学力検査と特色検査を重視（３：７：４）

比率（**f**）は、中学校の成績の比率

比率（**g**）は、学力検査の比率

比率（**i**）は、特色検査の得点の比率

をそれぞれ表します。

第２次選考では、調査書の各教科における第３学年の「主体的に学習に取り組む態度」の評価を選考資料として用います。「主体的に学習に取り組む態度」の評価の比率は、（**h**）で表します。

②合格者の決め方

検査終了後、各学校で第１次選考、第２次選考の順で合格者を決めます。

第１次選考	合計数値**S** の高い順に募集人員の90%まで選考します。
第２次選考	調査書の評定 **a** を使わないで、**b**（特色検査がある学校は **d** を含む。）と調査書の各教科における第３学年の「主体的に学習に取り組む態度」の評価について、評価**A** は３、評価**B** は２、評価**C** は１に換算し、その合計値（**C**）を 100 点満点に換算した **c** を基に、各学校で定めた比率（**g**、**h**、特色検査がある学校は **i**）に基づき合計数値**S** を改めて算出し、募集人員まで選考します。

※　県立横浜国際高校、県立横浜明朋高校、県立相模向陽館高校および「クリエイティブスクール」については、選考方法が異なるので、「選考基準」等で確認してください。

※　通信制では、調査書と実施した検査の結果で、総合的に選考します。

※　全日制、定時制、通信制の課程すべての選抜において、中学校の評定がないなど、資料の一部が整わない受検者にも配慮した選考を行います。

（3）Phương pháp lựa chọn (cách quyết định ứng viên thi đỗ)

① Các tài liệu duyệt xét.

Trường có thi「Kiểm tra tính đặc sắc」(特色検査)

A Thành tích học tập ở trung học cơ sở (Đánh giá theo Học Bạ)	B Tổng số điểm đạt được trong cuộc thi kiểm tra học lực	D Điểm đạt được trong cuộc thi Kiểm tra tính đặc sắc
Tổng số điểm đánh giá theo 5 mức thang điểm của năm 2 trung học cơ sở (chugakko) (Điểm tối đa là 45 điểm) ＋ Nhân đôi tổng số điểm đánh giá theo 5 mức thang điểm của năm 3 trung học cơ sở (chugakko) (Điểm tối đa là 90 điểm)（※1）（※2）	Tổng số điểm đạt được trong cuộc thi kiểm tra học lực (Điểm tối đa của từng môn thi là 100 điểm)（※1）	Điểm đạt được trong cuộc thi Kiểm tra tính đặc sắc

（※1）Tỷ lệ của các trường, tên của các trường coi trọng một môn đặc định nào đó được công bố trong tập Tập Hướng Dẫn Tuyển Sinh "Tiêu chuẩn tuyển chọn" v.v..

（※2）Trong lần tuyển chọn thứ hai, việc đánh giá "thái độ học tập độc lập" của học sinh lớp 3 trong từng môn học sẽ được sử dụng làm tài liệu lựa chọn chứ không phải điểm số.

Các điểm A,B（Trường có Kiểm tra tính đặc sắc sẽ bao gồm cả điểm D）được hoán chuyển qua hệ số 100

A Thành tích ở Trung học cơ sở → **a**（điểm tối đa là 100）	B Tổng số điểm đạt được trong cuộc thi kiểm tra học lực →**b**（điểm tối đa là 100）	D Điểm đạt được trong cuộc thi Kiểm tra tính đặc sắc →**d**（điểm tối đa là 100）

Trị số tổng $S = a \times f + b \times g\ (+d \times i)$

（f、g 、i thể hiện tỷ lệ）

Ví dụ về tỷ lệ (f : g : i)
(Ví dụ 1) Chú trọng điểm trung học cơ sở, không có bài kiểm tra đặc biệt (8:2:0)
(Ví dụ 2) Nhấn mạnh vào bài kiểm tra thành tích học tập, không có bài kiểm tra đặc biệt (3:7:0)
(Ví dụ 3) Nhấn mạnh vào bài kiểm tra thành tích học tập và bài kiểm tra đặc điểm (3:7:4)

Tỷ lệ (f) là tỷ lệ điểm trung cấp 2
Tỷ lệ (g) là tỷ lệ của bài kiểm tra thành tích
Tỷ lệ (i) là tỷ lệ điểm kiểm tra đặc sắc
Các tỷ lệ tưng ứng như trên.

Trong lần tuyển chọn thứ hai, việc đánh giá "thái độ học tập chủ động" của học sinh lớp 3 trong từng môn học sẽ được sử dụng làm tài liệu lựa chọn chứ không phải điểm số. Tỷ suất của việc đánh giá "thái độ học tập chủ động" được thể hiện bằng (h).

② Cách quyết định người trúng tuyển

Sau khi kiểm tra, từng trường quyết định thí sinh trúng tuyển theo thứ tự xét tuyển đợt 1 và đợt xét tuyển đợt 2.

Duyệt xét lần thứ nhất	Sẽ duyệt xét để chọn các thí sinh với tổng số điểm S lần lượt từ cao xuống thấp hơn, và tuyển cho đến 90% chỉ tiêu tuyển sinh, dựa theo thứ tự con số tổng kết cao, lần lượt xuống thấp hơn
Duyệt xét lần thứ 2	Không sử dụng điểm a của báo cáo khảo sát, đánh giá b (kể cả d đối với trường có kiểm tra đặc trưng) và điểm học năm thứ ba "thái độ học tập độc lập" trong từng môn học của báo cáo khảo sát, đánh giá A là 3. Đánh giá B là 2, đánh giá C là 1 và tổng giá trị (C) được chuyển đổi thành 100 điểm là c. g, h, i đối với các trường có kỳ thi đặc biệt.), tổng giá trị số S sẽ được tính lại và số lượng tân binh sẽ được chọn.

※ Đối với Trường THPT Quốc tế tỉnh Yokohama, Trường THPT Yokohama Meiho, Trường THPT Sagami Koyokan và các "Trường Sáng tạo (Creative School)", do phương pháp xét tuyển có sự khác biệt, vui lòng kiểm tra kỹ nội dung tại phần "Tiêu chuẩn xét tuyển", v.v.

※ Ở các trường Koko Hàm Thụ 通信制, nhà trường sẽ duyệt xét theo một cách tổng hợp qua học bạ, kết quả các cuộc thi kiểm tra.

※ Trong cuộc tuyển sinh ở tất cả các trường Koko 全日制, 定時制 và通信制, sự duyệt xét sẽ được lưu tâm và cân nhắc đến việc thí sinh thiếu một phần giấy tờ, chẳng hạn không có học bạ ở bậc Trng học cơ sở (Chu gakko) v..v...

８　定通分割選抜について【夜間の定時制と通信制で実施】

※ 共通選抜、特別募集および私立高校等に合格した人は、志願できません。

（1）出願手続と検査日程

手　続	日　時	場　所
募集期間	〈定時制〉３月４日（木）　14:00～19:00 〈定時制〉３月５日（金）　14:00～16:00 〈通信制〉３月４日（木）９:00～12:00、13:00～17:00 〈通信制〉３月５日（金）９:00～12:00、13:00～16:00	志願先の高校
志願変更日	〈定時制〉３月８日（月）９:00～12:00、13:00～16:00 〈通信制〉３月８日（月）９:00～12:00、13:00～16:00	下記★参照
検査日	**学力検査：３月15日（月）** **特色検査（面接等）：３月15日（月）・16日（火）** ※上記の期間のうち、受検票に書いてある日	志願先の高校
合格発表 合格書類の受取	〈定時制〉３月19日（金）　15:00～18:00 〈通信制〉３月19日（金）　10:00～12：00、13：00～15:00	志願先の高校

★　志願変更について

・　１回だけ、志願する高校を変更できます。

・　志願変更は、次の手続が必要です。

①　初めの志願先の高校へ行って手続をし、書類をもらいます。（異なる課程の高校に志願変更する場合は、新しく願書を作る必要があります。高校の窓口で確認してください。）

②　①でもらった書類を新しい志願先の高校へ行って提出します。特色検査（面接）を行う学校へ志願変更する場合、面接シート等も提出します。

（2）検査内容

定時制	・学力検査（英語、国語、数学の３教科。各教科30分。） ・特色検査（面接、実技検査、自己表現検査）を行う学校もあります。
通信制	・作文

（3）選考方法（合格者の決め方）

・定時制では、調査書の評定（２・３年）および実施した検査の結果をもとに、定められた数値算出の方法により選考します。

・通信制では、調査書と実施した検査の結果で、総合的に選考します。

8 Thi tuyển phân bố cho các trường Koko vừa học vừa làm - Koko hàm thụ (定通分割選抜)

【thực hiện tại các trường 定時制 ban đêm và trường 通信制 Hàm Thụ】

※Người đã trúng tuyển trong Kỳ thi chung hoặc trúng tuyển vào trường tư thì không được dự thi.

（1）Thủ tục nộp đơn đăng ký dự thi và lịch trình ngày thi

Thủ tục	Ngày Giờ	Địa đểm
Thời gian tuyển sinh	〈定時制〉 Ngày 4 tháng 3 (thứ Năm): 14:00～19:00 〈定時制〉 Ngày 5 tháng 3 (thứ Sáu): 14:00～16:00 〈通信制〉Ngày 4 tháng 3 (thứ Năm): 9:00～12:00,13:00～17:00 〈通信制〉 Ngày 5 tháng 3 (thứ Sáu):9:00～12:00,13:00～16:00	Tại các trường Koko sẽ dự thi
Ngày thay đổi nguyện vọng	〈定時制〉Ngày 8 tháng 3 (thứ Hai):9:00～12:00、13:00～16:00 〈通信制〉Ngày 8 tháng 3 (thứ Hai):9:00～12:00、13:00～16:00	Tham khảo ★ phía dưới
Ngày thi	**Thi kiểm tra học lực: - Ngày 15 tháng 3** (thứ Hai) **Thi vấn đáp / Kiểm tra tính đặc sắc :** **- Ngày 15** (thứ Hai) **và ngày 16 (**thứ Ba**) tháng 3** ※Trong các ngày ở trên, ngày thi là ngày ghi trên phiếu báo danh	Trường Koko dự thi
Công bố kết quả Nhận giấy báo trúng tuyển	〈定時制〉 Ngày 19 tháng 3 (Thứ Sáu): 15:00～18:00 〈通信制〉 Ngày 19 tháng 3 (Thứ Sáu): 10:00～12:00,13:00～15:00	Trường Koko dự thi

★Về việc thay đổi nguyện vọng trường thi

・ Việc thay đổi nguyện vọng trường dự thi chỉ được làm 1 lần.
・ Khi thay đổi nguyện vọng, cần làm 2 thủ tục

① Đến trường cấp 3 đầu tiên bạn đăng ký dự thi, làm thủ tục và nhận hồ sơ.（Trường hợp thay đổi nguyện vọng tại trường có chương trình học tập khác trường trước, thì phải làm lại đơn mới. Xin hãy xác nhận điều này tại văn phòng nhận hồ sơ）

② Lấy số giấy tờ đã nhận lại ở phần ①, và đem nộp cho trường Koko có nguyện vọng mới. Nếu bạn thay đổi đơn đăng ký của mình sang một trường tiến hành kiểm tra đặc điểm (phỏng vấn), bạn cũng sẽ cần nộp một tờ phỏng vấn.

（2）Nội dung thi

定時制	・Có thi「Kiểm Tra Học Lực」(Anh Văn, Quốc Ngữ và Toán; mỗi môn 30 phút) ・Có trường thực hiện việc kiểm tra kỹ năng thực hành, khả năng diễn đạt bản thân qua việc khảo hạch gọi là thi「Kiểm tra tính đặc sắc」(特色検査) .
通信制	・Có thi viết văn.

（3）Phương pháp duyệt xét tuyển sinh (Quyết định người trúng tuyển)

・Trong hệ thống khoa học chia thời gian, việc lựa chọn sẽ được thực hiện bằng phương pháp tính toán số được xác định dựa trên đánh giá báo cáo khảo sát (năm thứ 2 và thứ 3) và kết quả kiểm tra được tiến hành.

・Ở các trường Koko hàm thụ 通信制, nhà trường sẽ duyệt xét một cách tổng hợp qua việc xét duyệt Bản Học Bạ và kết quả việc thi kiểm tra học lực.

９　一般募集（「共通選抜」および「定通分割選抜」）での特別な受検方法について

【申請できる人】

・特別な受検方法は、原則として、海外から移住してきて６年以内（2027年２月１日現在）の人が申請できます。申請は、一般募集を行うすべての公立高校でできます。

【申請方法】

・申請書（**第５号様式**）を志願先の高校に出願の前に提出します。共通選抜も定通分割選抜もそれぞれ申請が必要です。

・申請書は中学校を通じて提出するので、担任の先生に早めに相談してください。

・中学校に在籍していない人は、志願する高校に早めに問い合わせてください。

【申請できる特別な受検方法（例）】

・学力検査問題等にルビ（漢字にふりがな）をつけること。

・学力検査等の時間の延長（最長1.5倍）。

・特色検査（面接）等の時、分かりやすい言葉でゆっくりと話すこと。

・通訳の同席や辞書の持込みはできません。

・在県外国人等特別募集および海外帰国生徒特別募集では、**上記の特別な受検方法の申請はできません。**

・その他、受検で配慮が必要な人は、県教育委員会に相談してください。

【問合せ先】　県教育委員会　高校教育課　入学者選抜・定員グループ

℡（045）210-8084［直通・日本語対応］

9 Về phương pháp xét tuyển đặc cách trong xét tuyển sinh thường ("xét tuyển chung" và "xét tuyển chia")

【Điều kiện để được xin dự thi theo phương cách đặc biệt】

・Theo nguyên tắc chung, những người chuyển đến từ nước ngoài trong vòng 6 năm (tại thời điểm ngày 1 tháng 2 năm 2027) có thể đăng ký phương thức kiểm tra đặc biệt. Các ứng dụng có thể được thực hiện tại bất kỳ trường koko công lập chấp nhận ứng dụng.

【Cách thức làm đơn】

・Nộp "Đơn xin dự thi (Mẫu số 5)" cho trường THPT dự định nộp đơn trước khi xuất nguyện. Cả đợt Tuyển sinh chung và Tuyển sinh phân cắt (hệ Bán thời gian/Từ xa) đều yêu cầu phải làm thủ tục riêng.

・Vì đơn xin dự thi phải nộp thông qua trường THCS, vui lòng trao đổi sớm với giáo viên chủ nhiệm.

・Những bạn hiện không theo học tại trường THCS ở Nhật, vui lòng liên hệ sớm với trường THPT dự định nộp đơn để được hướng dẫn.

【Các phương pháp kiểm tra đặc biệt có thể được áp dụng cho (ví dụ)】

・ Đề thi kiểm tra học lực sẽ được phiên âm sang Hiragana cho chữ Hán

・ Thời gian thi kiểm tra học lực các môn sẽ được kéo dài（tối đa là 1.5 lần so với thí sinh khác）

・ Nói chậm và bằng ngôn ngữ dễ hiểu trong quá trình kiểm tra đặc điểm (phỏng vấn).

・Sẽ không có việc thông dịch viên đi kèm và không được đem theo từ điển vào phòng thi.
・Bạn không thể đăng ký các phương pháp dự thi đặc biệt ở trên để tuyển dụng đặc biệt cho người nước ngoài sống ở tỉnh kanagawa và tuyển dụng đặc biệt cho sinh viên trở về từ nước ngoài.
・Ngoài ra, thí sinh có lý do trở ngại về cơ thể và cần trợ giúp để dự thi, xin hãy hội ý và bàn thảo với Ty Giáo Dục của tỉnh.

【Mọi chi tiết xin liên lạc về:】

・Phòng Xét Tuyển-Sĩ Số Nhập Học / Ban Giáo Dục THPT / Ty Giáo Dục Tỉnh

Số điện thoại: **045-210-8084** [Điện thoại trực tiếp / Chỉ sử dụng tiếng Nhật]

10　公立高校の受検料・入学料の減免制度について

○　受検料・入学料の減免制度とは

経済的な理由で受検料・入学料（入学金）の支払が困難な人に対して、受検料・入学料の全部または一部を免除する制度です。

○　申込方法・・・志願先の高校の事務室にご相談ください。免除申請手続の期限は、

受検料：出願手続前まで

入学料：入学手続日の前日まで（合格発表後、数日以内）

（期限を過ぎた場合、免除はできません。）

【問合せ先】

・志願先の高校の事務室または県教育委員会　財務課財務指導グループ

℡　(045)210-8113［直通・日本語対応］

11　学費について

高校で勉強するためには学費（教育費）が必要です。また、入学料も必要です。

全日制の課程

入学料	5,650円
年間授業料	118,800円
高等学校等就学支援金の支給を受けた場合 ☞ P.15	0円

定時制の課程　　（　）は横浜市立の場合

入学料	2,100円（1,200円）
年間授業料	32,400円
高等学校等就学支援金の支給を受けた場合 ☞ P.15	0円

（ここに記載した学費は2026年４月１日現在のものです。金額は改定される場合があります。）

１年間に必要なおおよその費用は、次のとおりです。

（ただし、高等学校等就学支援金の支給を受けた場合の金額）

（参考）　公立高校（全日制の課程）　約200,000円　（初年度）

公立高校（定時制の課程）　約 40,000円　（初年度）

私立高校（全日制の課程）　かかる費用は学校ごとに異なります。

上記のうち、合格した後の入学手続等の時（３月）に、まとまった費用がかかります。全日制普通科の場合、およそ14万円（教科書代、副教材代、制服・体操着・運動靴・タブレット端末等の購入費等）です。専門学科は、さらに実習費がかかる場合があります。また、通学費（交通費）、部活動費、文具費、体育授業での柔道着代や水着代、修学旅行積立金などの費用がかかる場合があります。詳しくは、各学校に問い合せてください。私立高校では、かかる費用は学校ごとに異なります。学校説明会等で事前に確認してください。

返済の必要がない「高校生等奨学給付金」という、奨学金の制度もあります。詳しくは二次元コードから確認してください。

そのほか、「神奈川県高等学校奨学金」等、経済的に困難な生徒対象の奨学金制度もあります。奨学金制度は、学費支援を必要とする生徒に奨学金の貸付を行う制度で、無利息ですが、将来返還が必要になります。

10 Quy chế miễn giảm lệ phí dự thi và lệ phí nhập học ở Koko công lập

○ Quy chế miễn giảm lệ phí dự thi, hoặc lệ phí nhập học:
Đây là quy chế miễn toàn phần hoặc một phần của lệ phí dự thi hoặc lệ phí nhập học dành cho học sinh, vì hoàn cảnh kinh tế, đang gặp khó khăn trong việc trả tiền lệ phí dự thi hoặc lệ phí nhập học.

○ Phương pháp làm đơn xin miễn giảm (lệ phí dự thi, lệ phí nhập học) ・・・Hãy đến văn phòng của trường dự thi để nói chuyện. Thời hạn làm thủ tục đơn xin miễn giảm là như sau:
Lệ phí dự thi：Trước khi làm thủ tục hồ sơ đăng ký dự thi
Lệ phí nhập học：Phải nộp trước ngày làm thủ tục nhập học. (Chỉ trong vòng vài ngày sau khi có thông báo đậu)
（Nếu để quá thời hạn làm thủ tục, sẽ không được miễn giảm）

【Mọi chi tiết xin liên lạc về:】
・Văn Phòng của trường Koko dự thi
・Phòng Chỉ Đạo Tài Vụ / Ban Tài Vụ / Ty Giáo Dục Tỉnh

Số điện thoại: **045-210-8113** [Điện thoại trực tiếp / Chỉ sử dụng tiếng Nhật]

11 Học phí

Để đi học Koko, cần đóng học phí. Ngoài ra phải đóng các lệ phí khác như: lệ phí dự thi và lệ phí nhập học.

全日制（ぜんにちせい） Trường Koko công lập

Lệ phí nhập học	5.650 yen
Học phí hàng năm	118.800 yen
Trường hợp được chu cấp từ Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đường ☞Xem trang 15	0 yen

定時制（ていじせい） Trường Koko công lập ( ) là lệ phí các trường do thành phố Yokohama thiết lập

Lệ phí nhập học	2.100 yen (1.200 yen)
Học phí hàng năm	32.400 yen
Trường hợp được chu cấp từ Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đường ☞Xem trang 15	0 yen

（Học phí ghi trên đây là mức phí tính đến ngày 1/4/2026. Số tiền này có thể bị thay đổi sau đó.）

Dưới đây là khoản ước chừng số tiền cần chi cho 1 năm học.
(Cần hiểu rằng, đây là số tiền dành cho trường hợp học sinh đã được nhận hỗ trợ từ Quỹ nói trên)
（Những con số tham khảo）

Trường Koko công lập（全日制の課程（ぜんにちせい かてい）） khoảng 200.000 yen (năm đầu)
Trường Koko công lập（定時制の課程（ていじせい かてい）） khoảng 40.000 yen (năm đầu)
Trường Koko tư thục （全日制の課程（ぜんにちせい かてい）） Chi phí cần thiết sẽ khác nhau tuỳ theo từng trường.

Trong các khoản phí ở trên, bạn sẽ cần chuẩn bị một khoản tiền lớn khi làm thủ tục nhập học sau khi trúng tuyển (vào tháng 3). Đối với Khoa Phổ thông hệ toàn thời gian (Zennichisei), chi phí khoảng 140.000 yên (bao gồm tiền sách giáo khoa, tài liệu phụ trợ, đồng phục, quần áo thể dục, giày thể thao, máy tính bảng, v.v.). Các khoa chuyên môn có thể tốn thêm phí thực hành. Ngoài ra, bạn có thể phải chi trả thêm các khoản như: phí đi lại, phí câu lạc bộ, văn phòng phẩm, tiền mua võ phục judo hay đồ bơi cho môn thể dục, và quỹ tích lũy cho chuyến dã ngoại thực tế (Shugakuryoko). Để biết chi tiết, vui lòng liên hệ với từng trường. Đối với các trường THPT tư thục, mức phí này sẽ khác nhau tùy trường. Vui lòng kiểm tra trước tại các buổi giới thiệu về trường.

Ngoài ra còn có hệ thống học bổng không cần hoàn trả gọi là "Tiền cấp dưỡng học tập cho học sinh THPT (Kokosei-to Shogaku Kyufukin)". Vui lòng quét mã QR để biết thêm chi tiết.
Bên cạnh đó, còn có các hệ thống học bổng dành cho học sinh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chẳng hạn như "Học bổng THPT tỉnh Kanagawa". Đây là hệ thống cho vay học bổng không tính lãi suất nhằm hỗ trợ học phí, nhưng bắt buộc phải hoàn trả trong tương lai.

12　高等学校等就学支援金について

家庭の経済状況に関わらず、自らの希望に応じた教育を受けることのできる社会をつくるため、高等学校等に通う生徒を対象に、授業料に充てる高等学校等就学支援金を支給し、家庭の教育費負担を支援する制度です。高等学校等就学支援金を受給するには、国籍・在留資格等の要件があります。高等学校等就学支援金が対象外の人についても、高校生等・新修学支援金が対象となる場合があります。

社会全体の負担により、学びが支えられていることを自覚し、将来、社会の担い手として広く活躍されることが期待されています。**（貸与型の奨学金ではありませんので、返済は不要です。）**

公立高校の場合、就学支援金を受け取る資格を得ると、授業料の支払は不要になります。
この制度を利用するには、手続が必要です。入学する高校から説明があり、お知らせが渡されます。

＜支給対象者＞

高等学校等に在学し、日本国内に住所を有する者のうち、①または②～⑤のいずれかに該当する者※

① 日本国籍を有する者

＜日本国籍を有しないが、以下に該当する者＞

② 特別永住者

③ 永住者、日本人の配偶者等、永住者の配偶者等

④ 定住者（将来永住する意思があると認められた者）

⑤ 家族滞在（日本の小学校及び中学校を卒業した者で、高校等卒業後、日本で就労して定着する意思があると認められた者）

※ 前籍校があり、高等学校等に在学した期間が通算して 36月（定時制、通信制課程に在学していた場合は48月）を超える生徒は支給の対象とはなりません。

＜申請時期・申請方法＞※変更になることがあります。

原則として、入学時に１回（提出期限など手続の詳細については、入学した高校からお知らせします。）

上記の＜支給対象者＞のうち、②～⑤のいずれかに該当する人は、生徒の以下のいずれかの書類が必要となります。

○ 住民票の写し（原本）

○ 特別永住者証明書の写し（コピー）

○ 在留カードの写し（コピー）

○ （家族滞在は併せて提出）日本の小学校及び中学校の卒業証書の写し又は卒業証明書

【高等学校等就学支援金についての問合せ先】

・入学した高校の事務室

・県教育委員会　財務課　財務指導グループ　℡　(045)210-8113［直通・日本語対応］

12 Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đường - Koko

Đây là chế độ hỗ trợ chi trả học phí nhằm giảm bớt gánh nặng tài chính, giúp mọi học sinh có thể an tâm theo học THPT bất kể hoàn cảnh kinh tế gia đình. Việc nhận hỗ trợ sẽ có các điều kiện về quốc tịch, tư cách lưu trú, v.v. Dù không đủ điều kiện cho quỹ này, bạn vẫn có thể thuộc đối tượng của "Quỹ Hỗ trợ Học tập Mới dành cho Học sinh THPT".
Trường hợp là trường công, khi nhận được sự chấp thuận từ quỹ này, thì học sinh không phải đóng học phí.

Chế độ này mang kỳ vọng học sinh sẽ ý thức được sự hậu thuẫn của xã hội để phấn đấu cống hiến trong tương lai. **(Đây KHÔNG phải là khoản vay, do đó KHÔNG CẦN HOÀN TRẢ.)**

Đối với trường THPT công lập, khi đủ điều kiện nhận quỹ này, học sinh sẽ KHÔNG phải đóng học phí.

Để sử dụng chế độ, bạn cần làm thủ tục. Trường THPT bạn nhập học sẽ giải thích và phát thông báo hướng dẫn.

＜Đối tượng được nhận hỗ trợ＞

Học sinh đang theo học tại trường THPT, cư trú tại Nhật Bản và thuộc ① hoặc một trong các diện từ ② đến ⑤ dưới đây (*):

① Người có quốc tịch Nhật Bản

<Người không có quốc tịch Nhật Bản nhưng thuộc các diện sau:>

② Người vĩnh trú đặc biệt (Tokubetsu Eijusha)

③ Người vĩnh trú (Eijusha), Vợ/chồng của người Nhật, Vợ/chồng của người vĩnh trú v.v.

④ Người định cư (Teijusha - có ý định vĩnh trú trong tương lai)

⑤ Đoàn tụ gia đình (Kazoku Taizai - Đã tốt nghiệp Tiểu học và THCS tại Nhật, có ý định làm việc và định cư tại Nhật sau khi tốt nghiệp THPT)

※Lưu ý: Nếu từng học trường khác trước đó và tổng thời gian học THPT đã vượt quá 36 tháng (hoặc 48 tháng đối với hệ Bán thời gian/Từ xa), học sinh sẽ KHÔNG được nhận hỗ trợ.

<Thời gian và Cách thức làm thủ tục> ※Có thể có thay đổi

Theo nguyên tắc, chỉ làm thủ tục 1 lần khi nhập học (Trường THPT sẽ thông báo chi tiết về thời hạn nộp v.v.).
Nếu thuộc một trong các diện từ ② đến ⑤ ở trên, học sinh cần chuẩn bị MỘT TRONG CÁC giấy tờ sau:

○ Phiếu cư trú Juminhyo (Bản gốc do ủy ban cấp)

○ Bản photocopy Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt

○ Bản photocopy Thẻ lưu trú (Zairyu Card)

○ (Đối với diện Đoàn tụ gia đình, nộp kèm theo) Bản photocopy Bằng tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp Tiểu học và THCS tại Nhật Bản.

【Muốn rõ thêm chi tiết về Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đường, xin liên lạc về:】
- Trường Koko dự thi (Thày cô chủ nhiệm hoặc văn phòng)
- Phòng Chỉ Đạo Tài Vụ / Ban Tài Vụ / Ty Giáo Dục Tỉnh
  Số điện thoại: **045-210-8113** [Điện thoại trực tiếp / Chỉ sử dụng tiếng Nhật]

13　私立高等学校等の学費支援制度等について

神奈川県では、私立高等学校等（※１）に在学する生徒の保護者等の経済的負担を軽減するため、入学金・授業料の返還不要の補助を行っています。詳しくは各私立高等学校等に問い合わせてください。

（例）高等学校等就学支援金（新制度）対象者（※２）は所得制限なく授業料の補助額480,000円

それ以外の人は

年収約750万円未満の世帯や生活保護世帯については、授業料の補助額480,000円

年収約800万円未満の世帯については、授業料の補助額193,200円

年収約910万円未満の世帯については、授業料の補助額118,800円

年収約910万円未満の多子世帯（※３）については、授業料の補助額480,000円

・上の例は、神奈川県内在住で県内の私立高等学校等に在学する人の授業料の補助額です。

・年収はあくまで目安です。

・補助額は、保護者等（親権者。父母がいる場合は双方。）の「住民税に基づく基準額」で判定します。

詳しくは、「募集案内Ⅱ」を見てください。

（※１）　対象校はホームページを見てください。

https://www.pref.kanagawa.jp/docs/v3e/jyosei/gakuhisien/index.html

（※２）　国籍や在留資格の条件があります。詳しくは各私立高等学校等に問い合わせてください。

（※３）　多子世帯…23歳未満の扶養している子どもが３人以上いる世帯

【私立高等学校等の学費支援制度等についての問合せ先】

・県福祉子どもみらい局　私学振興課　助成グループ　℡　(045)210-3793［直通・日本語対応］

13 Quy chế trợ cấp học phí v.v.. dành cho học sinh trường Koko tư thục v.v..

Để giảm thiểu kinh phí mà phụ huynh phải gánh chịu cho con em là học sinh theo học tại các trường Koko tư thục v.v.. （※１）, tỉnh Kanagawa có chính sách quy chế hỗ trợ tiền nhập học và học phí mà không cần hoàn trả. Muốn rõ thêm chi tiết, xin hỏi tại các trường Koko tư thục v.v.. mà bạn theo học.

(Ví dụ mức hỗ trợ học phí)

Đối tượng thuộc "Quỹ Hỗ trợ Học phí THPT (Chế độ mới)" (※2): Nhận hỗ trợ 480.000 yên (Không giới hạn thu nhập)

Đối với những người KHÔNG thuộc diện trên:

Hộ gia đình có thu nhập hằng năm dưới 7.500.000 yên hoặc đang nhận trợ cấp xã hội: 480.000 yên

Hộ gia đình có thu nhập hằng năm dưới 8.000.000 yên: 193.200 yên

Hộ gia đình có thu nhập hằng năm dưới 9.100.000 yên: 118.800 yên

Hộ gia đình ĐÔNG CON có thu nhập hằng năm dưới 9.100.000 yên (※3): 480.000 yên

・Ví dụ trên là mức hỗ trợ dành cho học sinh đang cư trú trong tỉnh và theo học tại trường THPT tư thục trong tỉnh Kanagawa.
・Mức thu nhập hằng năm chỉ là con số ước tính.
・Mức hỗ trợ chính xác sẽ được xét duyệt dựa trên "Mức chuẩn thuế cư dân (Juminzei)" của người giám hộ (người có quyền nuôi dưỡng. Nếu có cả cha và mẹ thì tính tổng của cả hai). Vui lòng xem tài liệu "Hướng dẫn Tuyển sinh II" để biết chi tiết.

(※1) Vui lòng xem danh sách các trường thuộc đối tượng trên trang web:

https://www.pref.kanagawa.jp/docs/v3e/jyosei/gakuhisien/index.html

(※2) Có các điều kiện về quốc tịch và tư cách lưu trú. Vui lòng liên hệ với từng trường THPT tư thục để biết chi tiết.

(※3) Hộ gia đình đông con: Là hộ gia đình đang nuôi dưỡng từ 3 người con trở xuống (dưới 23 tuổi).

【Liên lạc hướng dẫn về Quy Chế trợ cấp học phí v.v.. dành cho học sinh Koko tư thục v.v..】

・Phòng Ken-Kodomo Mirai Phúc lợi của tỉnh / Nhóm Hỗ Trợ Chấn Hưng Học Sinh Tư Thục
Điện thoại (045)210-3793 ［Trực tiếp / Bằng tiếng Nhật］

日本語を母語としない人たちのための高校進学ガイダンス 2026

【ガイダンスへの参加について】

〇ガイダンスに参加できるのは中学３年生または中学校を卒業した人とその保護者です。
〇参加は無料です。
〇予約が必要です。参加希望日の２週間前までに予約してください。
〇通訳が必要な人は、予約をするときに申し込んでください。

高校進学ガイダンス申し込み https://hsguide.me-net.or.jp/reservations
来場時間は予約受付後、ガイダンスの１週間前までにメールでお知らせします。

【ガイダンス日程と会場】

① ９月21日（月曜・休日）川崎市国際交流センター
参加予定高校： 県立川崎（全・定）、大師、鶴見総合、市立川崎（定）

② ９月27日（日曜）かながわ県民センター３Ｆ
参加予定高校： 横浜清陵、鶴見総合、横浜明朋、新栄、磯子工業、神奈川工業（定）、市立横浜商業、市立横浜総合、市立みなと総合

③ 10月４日（日曜）大和市立渋谷中学校
参加予定高校： 大和南、藤沢総合、座間総合、相模向陽館、湘南（定）

④ 10月12日（月曜・休日）厚木シティプラザ６Ｆ　サイエンスホール 250
参加予定高校： 愛川、座間総合、伊勢原、相模向陽館、厚木清南（定）

⑤ 10月17日（土曜）平塚市立江陽中学校
参加予定高校： 高浜（全・定）、伊勢原、平塚湘風

⑥ 10月25日（日曜）さがみはら国際交流ラウンジ
参加予定高校： 橋本、相模原弥栄、相模向陽館、神奈川総合産業（定）

・公立高校の入試情報、ガイダンスに参加する高校の情報や会場案内など、詳しくは、
「ガイダンス特設ページ」をご覧ください https://hsguide.me-net.or.jp

【ガイダンスに関する問合せ先】

ME-net事務局（045）896－0015（月・水・金 10:00～17:00）

【主催】 神奈川県教育委員会、認定NPO法人多文化共生教育ネットワークかながわ(ME-net)
【会場①】神奈川県教育委員会、多文化活動連絡協議会、(公財)川崎市国際交流協会、認定NPO法人多文化共生教育ネットワークかながわ(ME-net)
【会場⑥】神奈川県教育委員会、相模原市、認定NPO法人多文化共生教育ネットワークかながわ(ME-net)